

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – ĐÀ NẴNG**

Bản án số: 99/2026/HSST
Ngày: 01-6-2026

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Đình Thắng.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Tý và ông Phan Văn Sáng.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Hoàng Yên Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà Ngô Thùy Khánh Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 87/2026/TLST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1007/2026/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2026 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Khánh H, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ, sinh ngày 25 tháng 7 năm 1989 tại tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Số A đường N, tổ G, phường A, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Môi giới bất động sản; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Vinh T (sinh năm: 1963) và bà Hoàng Thị M (sinh năm 1964); có chồng là Nguyễn Đắc T1 (sinh năm: 1984) và có 02 con (con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2013).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/02/2026, đến ngày 26/3/2026 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh. Bị cáo hiện đang bị cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1990; nơi thường trú: Số C đường D, tổ E, phường T, thành phố Đà Nẵng; nơi tạm trú: Số C đường K, phường H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Đắc T1, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Số A đường N, tổ G, phường A, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2019, Nguyễn Thị Khánh H và Nguyễn Thị N quen biết và cùng nhau góp vốn đầu tư bất động sản. Đến đầu năm 2022, do thiếu vốn kinh doanh, bà N đề nghị vay mượn tiền của H thì Hòa đồng ý. Từ lúc này, Nguyễn Thị Khánh H đã sử dụng số tiền gốc ban đầu là 3.200.000.000 đồng để chia nhỏ thành nhiều khoản vay khác nhau cho bà Nguyễn Thị N vay. Các khoản vay dao động từ 100.000.000 đồng đến 3.200.000.000 đồng, được đáo hạn nhiều lần với mức lãi suất dao động từ 0,2%/ngày đến 0,3%/ngày, kỳ hạn vay dao động từ 02 ngày cho đến 60 ngày (tùy theo thỏa thuận giữa hai bên) nhằm thu lợi bất chính. Quá trình cho vay, hai bên thỏa thuận với nhau thông qua mạng xã hội zalo, facebook, khi đã thống nhất về số tiền vay và lãi suất thì H sử dụng tài khoản cá nhân của mình tại Ngân hàng TMCP Q (viết tắt là MB) số 0903532339 chuyển vào tài khoản cá nhân của N tại Ngân hàng TMCP Q hoặc Ngân hàng TMCP Q1 (viết tắt là V) số 43686868. Khi N muốn tất toán khoản vay cho H thì sử dụng tài khoản này chuyển lại tiền gốc vào tài khoản cá nhân nêu trên của H.

Quá trình điều tra, đã xác định được Nguyễn Thị Khánh H đã 05 lần cho Nguyễn Thị N vay tiền với mức lãi suất 0,3%/ngày (gấp xấp xỉ 5,45 lần lãi suất tối đa mà pháp luật cho phép) và thu lợi bất chính trên 30.000.000 đồng, cụ thể:

Lần 1: Ngày 05/8/2023, bà N nhắn tin với H để vay 500.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày kể từ ngày 06/8/2023 đến ngày 06/9/2023 thì Hoà đồng ý.

Trong 02 ngày 05/8/2023 và 06/8/2023, H sử dụng tài khoản MB Bank số 0903532339 chuyển tiền vào tài khoản M1 số 0928892892 của N với tổng số tiền 455.000.000 đồng. Trong lần chuyển khoản cuối cùng, H ghi chú trong nội dung chuyển khoản “C hoa ck du 500 triệu”. Thực tế, H chỉ chuyển 455.000.000 đồng vì đã trừ 45.000.000 đồng phần tiền lãi mà H thu lợi trước theo mức lãi suất 9%/30 ngày ($9\% \times 500.000.000 \text{ đồng} = 45.000.000 \text{ đồng}$).

Đến ngày 07/09/2023, khi đã hết kỳ hạn 30 ngày, bà N dùng tài khoản ngân hàng số 43686868 M1 chuyển tiền đến số tài khoản 0903532339 M1 của H số tiền 1.400.000.000 đồng (trong đó bà N trả tiền khoản vay ngày 06/8/2023 với số tiền 500.000.000 đồng, phần tiền còn lại là để N trả khoản vay 950.000.000 đồng khác).

Số tiền lãi hợp pháp mà H đã thu là: $0,055\%/\text{ngày} \times 500.000.000 \text{ đồng} \times 30 \text{ ngày} = 8.250.000 \text{ đồng}$.

Số tiền lãi vượt quá mức quy định của pháp luật (số tiền thu lợi bất chính) $45.000.000 \text{ đồng} - 8.250.000 \text{ đồng} = 36.750.000 \text{ đồng}$.

Lần 2: Ngày 17/8/2023, H cho bà N vay 500.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, kể từ ngày 17/8/2023 đến ngày 17/9/2023. H thu tiền lãi tại thời điểm cho vay

là 45.000.000 đồng và chuyển khoản cho bà N số tiền là 455.000.000 đồng, với nội dung chuyển tiền là “C hoa ck e”.

Đến ngày 17/9/2023, bà N đề nghị H gia hạn khoản vay này thêm 30 ngày, kể từ ngày 18/9/2023 đến ngày 18/10/2023 và chuyển cho H số tiền lãi của 30 ngày là 45.000.000 đồng.

Ngày 18/10/2023, bà N đã tắt toán khoản vay này nên chuyển khoản lại cho H số tiền gốc là 500.000.000 đồng.

Số tiền lãi hợp pháp mà H đã thu là: $0,055\%/ngày \times 500.000.000 \text{ đồng} \times 60 \text{ ngày} = 16.500.000 \text{ đồng}$.

Số tiền lãi vượt quá mức quy định của pháp luật (số tiền thu lợi bất chính): $90.000.000 \text{ đồng} - 16.500.000 \text{ đồng} = 73.500.000 \text{ đồng}$.

Lần 3: Từ ngày 22/8/2023 đến ngày 31/8/2023, H cho bà N vay 600.000.000 đồng, trong thời hạn 10 ngày, với mức lãi suất 0,3%/ngày, Hoà trừ trước tiền lãi 18.000.000 đồng tại thời điểm cho vay và chuyển khoản số tiền gốc còn lại cho N.

Đến ngày 30/8/2023, bà N thống nhất với H gia hạn khoản vay thêm 25 ngày (kể từ ngày 01/9/2023 đến ngày 26/9/2023) và được Hòa đồng Ý. Cùng ngày, bà N chuyển tiền lãi cho những ngày gia hạn tiếp theo là 36.000.000 đồng cho H và đến ngày 16/09/2023, bà N chuyển đủ số tiền lãi gia hạn là 9.000.000 đồng cho H.

Ngày 26/9/2023, bà N đã tắt toán khoản vay nên chuyển khoản cho H trả đủ số tiền gốc 600.000.000 đồng.

Số tiền lãi hợp pháp mà H đã thu là: $0,055\%/ngày \times 600.000.000 \text{ đồng} \times 35 \text{ ngày} = 11.550.000 \text{ đồng}$.

Số tiền lãi vượt quá mức quy định của pháp luật (số tiền thu lợi bất chính): $63.000.000 \text{ đồng} - 11.550.000 \text{ đồng} = 51.450.000 \text{ đồng}$.

Lần 4: Trong ngày 09/9/2023, N nhắn tin qua ứng dụng Messenger đề nghị H cho vay số tiền 1.500.000.000 đồng, kỳ hạn 07 ngày. H nhắn tin xác nhận đồng ý cho vay nhưng hẹn đến thứ Hai tuần sau mới huy động đủ tiền (tức là vào ngày 11/9/2023).

Ngày 11/9/2025, H chuyển khoản cho bà N số tiền 1.450.500.000 đồng, sau khi trừ tiền lãi 7 ngày và khoản tiền nợ 18.000.000 đồng khác của N trước đó.

Vào tối ngày 17/09/2025, khi đã hết kỳ hạn 07 ngày vay, bà N gia hạn thêm khoản vay trên thêm 15 ngày nên chuyển lại cho H số tiền lãi 67.500.000 đồng cho 15 ngày gia hạn.

Đến ngày 22/9/2023, bà N đã chuyển khoản trả đủ khoản vay 1.500.000.000 đồng trên cho H. (do N thanh toán khoản vay này sớm 10 ngày nên N trừ thẳng số tiền lãi 10 ngày là 45.000.000 đồng vào số tiền gốc trước khi trả cho H).

Số tiền lãi hợp pháp mà H đã thu là: $0,055\%/ngày \times 1.500.000.000 \text{ đồng} \times 12 \text{ ngày} = 9.900.000 \text{ đồng}$.

Số tiền lãi vượt quá mức quy định của pháp luật (số tiền thu lợi bất chính):
 $54.000.000 \text{ đồng} - 9.900.000 \text{ đồng} = 44.100.000 \text{ đồng}$.

Lần 5: Ngày 26/9/2023, H chuyển khoản cho bà N vay số tiền 3.200.000.000 đồng, kỳ hạn vay 05 ngày kể từ ngày 26/9/2023 đến ngày 30/9/2023. Khi chuyển tiền vay cho N, H đã trừ trước số tiền lãi của 05 ngày vay là 48.000.000 đồng vào số tiền gốc.

Ngày 30/9/2023, bà N gia hạn khoản vay này thêm 02 ngày (tới ngày 02/10/2023) nên đã chuyển cho H 19.200.000 đồng tiền lãi của 02 ngày gia hạn.

Ngày 02/10/2023, bà N chuyển khoản trả bớt số tiền gốc 2.000.000.000 đồng cho H. Số tiền gốc còn lại là 1.200.000.000 đồng, bà N tiếp tục gia hạn thêm 03 ngày (đến ngày 05/10/2023), nên chuyển cho H số tiền lãi 03 ngày gia hạn là 10.800.000 đồng.

Ngày 05/10/2023, bà N chuyển tiếp cho H số tiền là 10.800.000 đồng để gia hạn khoản vay 1.200.000.000 đồng thêm 03 ngày (đến ngày 08/10/2023). Đến ngày 09/10/2023, bà N đã chuyển khoản trả xong khoản vay này cho H.

* Khoản tiền 2.000.000.000 đồng, H cho N vay trong vòng 07 ngày, đã thu được số tiền lãi hợp pháp là: $0,055\% \times 2.000.000.000 \text{ đồng} \times 7 \text{ ngày} = 7.700.000 \text{ đồng}$.

Số tiền lãi bất hợp pháp (thu lợi bất chính) của khoản vay này là: $07 \times [(0,3\% - 0,055\%) \times 2.000.000.000 \text{ đồng}] = 34.300.000 \text{ đồng}$.

* Khoản tiền 1.200.000.000 đồng, H cho N vay trong vòng 13 ngày, đã thu được số tiền lãi hợp pháp là: $0,055\% \times 1.200.000.000 \text{ đồng} \times 13 \text{ ngày} = 8.580.000 \text{ đồng}$.

Số tiền lãi bất hợp pháp (thu lợi bất chính) của khoản vay này là: $13 \text{ ngày} \times [(0,3\% - 0,055\%) \times 1.200.000.000 \text{ đồng}] = 38.220.000 \text{ đồng}$.

* Tổng cộng số tiền H thu lãi hợp pháp từ khoản vay 3.200.000.000 đồng là 16.280.000 đồng, thu lợi bất chính ở khoản vay này là 71.520.000 đồng.

Như vậy, thông qua 05 lần cho vay (tổng giá trị của 05 khoản vay là 6.300.000.000 đồng), với mức lãi suất 0,3%/ngày (gấp xấp xỉ 5,45 lần lãi suất tối đa mà pháp luật cho phép), kỳ hạn vay dao động từ 12 ngày đến 60 ngày, H đã thu được tổng số tiền lãi hợp pháp là 62.480.000 đồng; thu lợi bất chính (phần lãi pháp luật không cho phép) số tiền 277.320.000 đồng.

Ngoài ra, quá trình điều tra còn xác định thêm 05 khoản tiền H cho N vay vào đầu năm 2022, với tổng giá trị các khoản vay là 2.250.000.000 đồng, nhưng có mức lãi suất 0,25%/ngày (chưa vượt quá 05 lần mức lãi suất tối đa mà pháp luật dân sự quy định), thu số tiền lãi hợp pháp là 22.426.000 đồng, thu số tiền lãi vượt quá mức pháp luật cho phép là 77.274.000 đồng. Tuy nhiên, hành vi cho vay này chỉ vi phạm hành chính và chưa cấu thành tội “cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo Điều 201 BLHS (do mức lãi suất chưa gấp trên 05 lần mức lãi suất tối đa pháp luật cho phép).

Có 33 khoản vay khác với tổng giá trị các khoản vay là 16.600.000.000 đồng, mức lãi suất là 0,3%/ngày (đều vượt quá 05 lần mức lãi suất tối đa mà pháp luật cho phép), nhưng số tiền thu lợi bất chính ở mỗi khoản vay này đều dưới 30.000.000 đồng, nên chưa đủ cấu thành tội phạm. Qua tính toán xác định các khoản vay này, H thu được số tiền lãi hợp pháp (mức lãi suất tối đa mà pháp luật cho phép) là 80.433.000 đồng, phần tiền lãi vượt quá mức quy định (tiền lãi không hợp pháp) là 365.117.000 đồng.

Vật chứng tạm giữ:

+ 01 vi bằng số 203 lập ngày 29/4/2025, người yêu cầu lập Nguyễn Thị N (bản sao y).

+ 01 bản sao kê thông tin lịch sử giao dịch tài khoản ngân hàng năm 2023-2024, được in trên 03 tờ giấy khổ A4 (bản phô tô).

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max, màu xanh, số Imei: 353899109762235, gắn sim số 0928892892, đã qua sử dụng do Nguyễn Thị N giao nộp.

+ 01 tập tài liệu có nội dung các tin nhắn zalo thu thập trên Điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max, màu xanh, số Imei: 353899109762235, gắn sim số 0928892892 của Nguyễn Thị N

+ 01 giấy mượn tiền (bản sao) đề ngày 01/10/2024, có chữ ký và tên người mượn là Nguyễn Thị N do Nguyễn Thị Khánh H giao nộp.

Từ những nội dung trên, tại Cáo trạng số: 36/CT-VKSKV3 ngày 13 tháng 4 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Khánh H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố bị cáo và đề nghị:

* Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Khánh H phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

* Áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 65 của Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo từ 15 tháng đến 21 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 30 tháng đến 42 tháng.

* Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46 của Bộ luật Hình sự đề nghị Hội đồng xét xử:

- Đối với số tiền gốc bị cáo đã cho vay và người vay đã trả cho bị cáo là 3.200.000.000 đồng (việc vay tiền được đáo hạn, vay đi vay lại nhiều lần trên số tiền gốc này), đây là tang vật phạm tội nên đề nghị truy thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với số tiền lãi hợp pháp là 62.480.000 đồng bị cáo có được từ việc phạm tội nên đề nghị truy thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với số tiền lãi vượt quá mức pháp luật cho phép (thu lợi bất chính) là 277.320.000 đồng, bị cáo đã trả lại đủ số tiền này cho bà Nguyễn Thị N. Bà N đã nhận lại số tiền nêu trên và không có yêu cầu gì thêm nên không đề cập giải quyết.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 10.000.000 đồng của bị cáo H để đảm bảo thi hành án.
- Trả lại cho bà Nguyễn Thị N 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max, màu xanh, số Imei: 353899109762235, gắn sim số 0928892892, đã qua sử dụng do Nguyễn Thị N giao nộp để phục vụ điều tra.

- Đối với các tài liệu, chứng cứ sau đây đề nghị lưu theo hồ sơ vụ án, gồm:
 - + 01 (một) Vi bằng số 203 lập ngày 29/4/2025, người yêu cầu lập Nguyễn Thị N (bản sao y).

- + 01 (một) Bảng sao kê thông tin lịch sử giao dịch tài khoản ngân hàng năm 2023 - 2024, được in trên 03 tờ giấy khổ A4 (bản sao) do Nguyễn Thị N giao nộp.

- + 01 (một) Tập tài liệu có nội dung các tin nhắn Zalo (trích xuất in ra từ điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max, màu xanh, số Imei: 353899109762235, gắn sim số 0928892892 của N), đã được H ký xác nhận là tin nhắn của mình trao đổi với N trong quá trình cho vay.

- + 01 (một) Giấy mượn tiền đề ngày 01/10/2024, có chữ và tên người mượn là Nguyễn Thị N và 01 (một) Hợp đồng đặt cọc tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, đề ngày 01/10/2024 (đều bản sao do Nguyễn Thị Khánh H giao nộp).

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Thị Khánh H nói lời nói sau cùng: Bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội đúng với nội dung Cáo trạng đã truy tố bị cáo. Bị cáo rất ăn năn hối hận về hành vi của mình và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đà Nẵng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đà Nẵng, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Thị Khánh H đã khai nhận hành vi phạm tội. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 05/8/2023 đến ngày 09/10/2023, Nguyễn Thị Khánh H đã sử dụng số tiền gốc là 3.200.000.000 đồng cho Nguyễn Thị N vay 05 khoản vay khác nhau với kỳ hạn dao động từ 05 ngày đến 60 ngày, lãi suất là 0,3%/ngày, vượt mức lãi suất pháp luật cho phép là 5,45 lần, thu lợi bất chính tổng số tiền 277.320.000 đồng.

[3] Hành vi trên đây của bị cáo Nguyễn Thị Khánh H phạm vào tội " Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự ". Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 201 Bộ luật Hình sự. Do bị cáo cho vay nhiều lần, mỗi lần thu lợi bất chính trên 30.000.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi trên 100.000.000 đồng nên bị cáo phải chịu tình tiết định khung quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Như vậy, Cáo trạng số của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] *Xét tính chất vụ án và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy:* Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có nhận thức và hiểu biết pháp luật. Bị cáo ý thức được hành vi cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự mà bị cáo bất chấp thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến hoạt động quản lý kinh tế, kinh doanh tiền tệ của Nhà nước, xâm phạm lợi ích tài chính của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an, an toàn xã hội. Do đó, xét thấy đối với bị cáo cần phải xử lý nghiêm để giáo dục và răn đe phòng ngừa tội phạm.

[5] *Tuy nhiên, xét về nhân thân và tính tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì thấy:* Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn, hối cải; bị cáo mới nhất thời phạm tội, bị cáo đã khắc phục bồi thường trả lại đầy đủ số tiền thu lợi bất chính cho bà N và bà N có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có bố ruột là cựu chiến binh; bản thân bị cáo được tặng Giấy khen của V1; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên nên phải chịu tình tiết tăng nặng tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, nên không nhất thiết phải cách ly ra khỏi xã hội mà giao về chính quyền địa phương quản lý giáo dục cũng trở thành người tốt.

[6] *Về hình phạt bổ sung:* Cần phải áp dụng hình phạt bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị Khánh H

[7] *Về biện pháp tư pháp:*

- Đối với số tiền gốc 3.200.000.000 đồng bị cáo đã cho vay và bà N đã trả xong cho bị cáo, đây là tang vật phạm tội nên truy thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với số tiền lãi hợp pháp là 62.480.000 đồng mà bị cáo đã thu của bà N trong 05 lần cho vay nên truy thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo đã thu của bà N là 277.320.000 đồng, bị cáo đã trả lại đủ số tiền này cho bà N. Bà N đã nhận lại số tiền nêu trên và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] *Về xử lý vật chứng:*

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 10.000.000 đồng của bị cáo H để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị N 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max, màu xanh, số Imei: 353899109762235, gắn sim số 0928892892, đã qua sử dụng.

- Đối với các tài liệu, chứng cứ sau đây được lưu giữ theo hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý, gồm:

+ 01 (một) Vi bằng số 203 lập ngày 29/4/2025, người yêu cầu lập Nguyễn Thị N (bản sao y).

+ 01 (một) Bảng sao kê thông tin lịch sử giao dịch tài khoản ngân hàng năm 2023 - 2024, được in trên 03 tờ giấy khổ A4 (bản sao) do Nguyễn Thị N giao nộp.

+ 01 (một) Tập tài liệu có nội dung các tin nhắn Zalo (trích xuất in ra từ điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max, màu xanh, số Imei: 353899109762235, gắn sim số 0928892892 của N), đã được H ký xác nhận là tin nhắn của mình trao đổi với N trong quá trình cho vay.

+ 01 (một) Giấy mượn tiền đề ngày 01/10/2024, có chữ và tên người mượn là Nguyễn Thị N và 01 (một) Hợp đồng đặt cọc tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, đề ngày 01/10/2024 (đều bản sao do Nguyễn Thị Khánh H giao nộp).

[8] *Về các vấn đề khác liên quan:*

- Đối với các khoản vay và các nội dung giao dịch chuyển tiền giữa khác giữa bị cáo và bà N liên quan đến việc góp vốn kinh doanh bất động sản, đã được làm rõ và không cấu thành tội phạm, nếu các bên có phát sinh tranh chấp, thì có thể giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

- Trong vụ án này, có 33 khoản vay khác với tổng giá trị các khoản vay là 16.600.000.000 đồng, mức lãi suất là 0,3%/ngày (đều vượt quá 05 lần mức lãi suất tối đa mà pháp luật cho phép), số tiền thu lợi bất chính ở mỗi khoản vay này đều dưới 30.000.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo H đã thu lãi hợp pháp là 80.433.000 đồng và thu lãi vượt quá mức quy định là 365.117.000 đồng. Tuy nhiên, việc cho vay và tất toán khoản vay đều diễn ra trong năm 2024 nên đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì các

hành vi này không bị truy cứu trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[9] *Về án phí*: Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 201; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Khánh H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Khánh H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 01/6/2026.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Khánh H cho Ủy ban nhân dân phường A, thành phố Đà Nẵng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng: Khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thị Khánh H số tiền 40.000.000 đồng (*bốn mươi triệu đồng*)

2. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

- Truy thu sung vào ngân sách nhà nước, buộc bị cáo Nguyễn Thị Khánh H phải nộp lại số tiền gốc cho vay 3.200.000.000 đồng (*ba tỷ hai trăm triệu đồng*).

- Truy thu sung vào ngân sách nhà nước, buộc bị cáo Nguyễn Thị Khánh H phải nộp lại số tiền lãi hợp pháp mà bị cáo đã thu của người vay là 62.480.000 đồng (*sáu mươi hai triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng*).

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 10.000.000 đồng của bị cáo Nguyễn Thị Khánh H để đảm bảo thi hành án (thể hiện tại biên lai thu số 1635 ngày 14.5.2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng)

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị N 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max, màu xanh, số Imei: 353899109762235, gắn sim số 0928892892.

(Vật chứng nêu trên hiện đang được Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Đà Nẵng tạm giữ theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 06 tháng 5 năm 2026)

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thị Khánh H phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án ngày 01/6/2026. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TP Đà Nẵng ;
- VKSND khu vực 3 – Đà Nẵng;
- TAND TP Đà Nẵng;
- CQCSĐT Công an TP Đà Nẵng;
- THADS TP Đà Nẵng;
- CQTHAHS Công an TP Đà Nẵng;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Đình Thắng